

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày: 12/6/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Minh Hòa**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**
2. Ông **Nguyễn Đình Đại.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến**- Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham
gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Việt Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST ngày 16/5/2017 đối với bị cáo:

Trần Văn T - sinh ngày 17/5/1993

Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô

Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Con ông Trần C sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị G sinh năm 1961

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam- Công an huyện Đoan Hùng. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Lê Viết T1- sinh năm 1990

Trú tại: Thôn Đ, xã P3, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn G1- sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 4, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Văn T và anh Lê Viết T1 sinh năm 1990 cùng quê ở huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế và cùng làm cho xưởng sửa chữa ô tô của Công ty Cổ phần TM ở thôn 8, xã S, huyện Đ2. Nhiều lần T mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của anh T1 để sử dụng nên biết mật khẩu để mở máy. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/3/2017, T sang phòng anh T1 chơi. Trong phòng lúc này chỉ có anh Nguyễn Đắc M cũng là thợ sửa chữa của Công ty đang nằm trên giường trùm chăn kín đầu nghe điện thoại. T nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của anh T1 đang sạc pin để trên bệ cửa sổ nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T dùng tay tháo dây sạc pin, cầm điện thoại đút vào túi quần bên phải rồi đi bộ đến cửa hàng mua bán điện thoại di động của anh Nguyễn Văn G1 ở thôn 9 xã Sốc Đăng. T bán chiếc điện thoại cho anh G1 được 3.500.000đ. Anh G1 đưa lại sim điện thoại cho T. Trên đường về, T vứt bỏ chiếc sim, làm rơi mất 1.500.000đ, số tiền còn lại T đã chi tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 11/4/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Đoan Hùng kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, bản 16GB trị giá 5.225.000đ; chiếc ốp điện thoại màu đen viền hai đầu màu vàng trị giá 200.000đ. Tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt của anh T1 là 5.425.000đ (Năm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 33/KSĐT- TA ngày 16/5/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giam là 02 tháng, bằng 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.
- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.
- Về vật chứng: Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đoan Hùng đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, bản 16GB cùng ốp điện thoại cho anh Lê Viết T1.
- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/3/2017, tại phòng ở của anh Lê Viết T1 trong khu tập thể Công ty Cổ phần TM (Địa chỉ: Thôn 8, xã S, huyện Đ2), lợi dụng anh T1 đang cắm sạc pin điện thoại nhưng không có mặt trong phòng, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có ốp lưng, trị giá là 5.425.000đ (Năm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, vật chứng đã thu giữ, phù hợp với biên bản hỏi cung tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Trần Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi của Trần Văn T đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an. Vì vậy cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (hoàn trả số tiền 3.500.000đ cho anh Lê Viết T1, do anh T1 đã chuộc điện thoại từ anh Nguyễn Văn G1), phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Trần Văn T được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trần Văn T có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian bị cáo đã bị tạm giam là 60 ngày (02 tháng) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải

tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự, cứ một ngày tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Theo tài liệu xác minh của Cơ quan điều tra, Trần Văn T là thợ sửa chữa ô tô, làm thuê cho các xưởng sửa chữa, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, miễn khấu trừ thu nhập và miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đuan Hùng đã trả cho anh Lê Viết T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, bản 16GB cùng ốp điện thoại. Việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Viết T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn G1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm: b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giam là 02 (Hai) tháng, bằng 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức đ- ợc giao giám sát, giáo dục ng- ời bị kết án nhận đ- ợc quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Trần Văn T cho UBND xã P1, huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với Trần Văn T.

- Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Văn T.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Xác nhận: Ngày 19/4/2017 Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đuan Hùng đã trả lại cho anh Lê Viết T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi, bản 16GB cùng ốp điện thoại

(Có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- Bị cáo; người bị hại,
- Người có QL, NVLQ;
- UBND xã P1;
- Chi cục THADS Đoan Hùng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa